

SO SÁNH ĐỘ NHẠY VÀ ĐỘ ĐẶC HIỆU CỦA ONE - STEP CHLAMYDIA VỚI PHƯƠNG PHÁP PCR

NINH VĂN MINH, NGUYỄN THỊ TUYẾT
Trường đại học Y Thái Bình

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (NKLYQĐTĐ) là bệnh lý phổ biến trên toàn thế giới, gây hậu quả xấu đến phát triển kinh tế và xã hội. Tác nhân của NKLYQĐTĐ rất đa dạng bao gồm virus, vi khuẩn, nấm, ký sinh trùng, trong đó nhiễm *Chlamydia trachomatis* (*C.trachomatis*) là tác nhân nguy hại thường gặp và đang có chiều hướng gia tăng. Viêm cổ tử cung do *C.trachomatis* không được điều trị khoảng 40% sẽ gây viêm sinh dục trên với nhiều biến chứng như viêm vùng chậu, vô sinh do tắc vòi tử cung, thai ngoài tử cung, đau vùng chậu mạn tính. Chi phí cho việc điều trị các biến chứng này rất lớn, khi mới nhiễm viêm cổ tử cung do *C.trachomatis* điều trị đơn giản.

Chẩn đoán nhiễm *C.trachomatis* chủ yếu dựa vào xét nghiệm cận lâm sàng. Tùy theo phương pháp xét nghiệm và vị trí lấy bệnh phẩm (ở cổ tử cung hoặc nước tiểu đầu dòng) mà tính giá trị của chẩn đoán khác nhau. Xét nghiệm nhanh miễn dịch men (*One-Step Chlamydia*) với giá thành thấp, dễ thực hiện, cho kết quả nhanh. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu:

1. Xác định độ nhạy và độ đặc hiệu của *One-Step Chlamydia*

2. Phát hiện *Chlamydia* bằng kỹ thuật PCR.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. **Đối tượng:** 150 Phụ nữ đủ tiêu chuẩn tuyển chọn vào nhóm nghiên cứu

2. **Phương pháp:** Thử nghiệm lâm sàng.

Các biến số nghiên cứu.

- Độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị tiên đoán dương, giá trị tiên đoán âm của *One-Step Chlamydia*.

- Kết quả PCR

- Các chỉ số về nhân khẩu học: tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, hôn nhân, tình trạng kinh tế.

- Các chỉ số về tiền sử sản phụ khoa: tuổi quan hệ tình dục, biện pháp tránh thai đã và đang sử dụng, tiền sử viêm sinh dục.

- Các chỉ số về lâm sàng và xét nghiệm: tình trạng cổ tử cung, kết quả nhuộm soi khí hư.

KẾT QUẢ

Bảng 1: Tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* theo các tổn thương ở cổ tử cung

Tổn thương ở CTC	n	Số nhiễm	Tỷ lệ
Hồng láng	25	7	28,0
Viêm có mũ	52	44	84,6
Lộ tuyến	56	11	19,6
Viêm loét	11	0	0,0
Tổn thương khác	6	0	0,0
Tổng số	150	62	41,3

Bảng 1: cho thấy 84,6% số bệnh nhân bị viêm mũ cổ tử cung có nhiễm *C.trachomatis* Không có trường hợp nào trong nhóm cổ tử cung viêm loét hoặc có tổn thương khác bị nhiễm *C.trachomatis*.

Bảng 2: Tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* theo tình trạng vô sinh

Tình trạng vô sinh	n	Số nhiễm	Tỷ lệ
Không vô sinh	111	35	31,5
VS nguyên phát	5	1	20,0
VS thứ phát	34	26	76,5
Tổng số	150	62	41,3

Bảng 2 cho thấy tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* ở những phụ nữ vô sinh nguyên phát là 20%, vô sinh thứ phát là 76,5% và nhóm không vô sinh là 31,5%.

Bảng 3: Phân bố tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* theo kết quả nhuộm soi.

Kết quả nhuộm soi	Số điều tra	Số nhiễm	Tỷ lệ %
Vi khuẩn	86	54	62,8
Trichomonas	7	3	42,9
Nấm	34	4	11,8
Gardnerella	15	1	6,7
Bình thường	8	0	0,0
Tổng số	150	62	41,3

Bảng 3: Khi nhuộm soi cho thấy có 62,8% phụ nữ bị nhiễm *C.trachomatis* có tạp khuẩn kèm theo, 42,9% kèm theo nhiễm Trichomonas trong nhóm những phụ nữ bị nhiễm vi khuẩn theo soi nhuộm khí hư, là 11,8% và 6,7%. Đặc biệt, trong số 8 người có kết quả nhuộm soi khí hư bình thường thì không ai bị nhiễm *C.trachomatis*.

Bảng 4: So sánh tỷ lệ nhiễm *C.trachomatis* bằng test nhanh và PCR.

Phương pháp	Dương tính		Âm tính	
	n	Tỷ lệ	n	Tỷ lệ
One-Step Chlamydia.	50	33,3	100	66,7
PCR.	62	41,3	88	58,7

Qua bảng 4: cho thấy 150 đối tượng được làm cả 2 loại xét nghiệm phát hiện tình trạng nhiễm *C.trachomatis* thì phương pháp PCR phát hiện được 41,3%, test nhanh phát hiện được 33,3%.

Bảng 5: Chẩn đoán viêm cổ tử cung bằng test nhanh và PCR

		Kết quả PCR		Tổng số
		Dương tính	Âm tính	
Kết quả test nhanh	Dương tính	40 (dương thật)	10 (dương giả)	50
	Âm tính	22 (âm giả)	78 (âm thật)	100
Tổng		62	88	150

Bảng 6: Giá trị của test nhanh trong chẩn đoán viêm cổ tử cung do *C.trachomatis*:

Thông số	Giá trị
Độ nhạy	40/62 = 64.5%
Độ đặc hiệu	78/88 = 88.6%
Giá trị tiên đoán dương tính	40/50 = 80%
Giá trị tiên đoán âm tính	78/100 = 78%

KẾT LUẬN

So với phương pháp PCR, giá trị của xét nghiệm nhanh miễn dịch men có:

Độ nhạy: 64,5%

Độ đặc hiệu: 88,6%

Giá trị tiên đoán dương tính: 80%.

Giá trị tiên đoán âm tính: 78%.

SUMMARY

Objectives:

Determine the specificity and sensitivity of one step C.chlamydia.

PCR in the C.chlamydia diagnostic.

Study Design: Randomized clinical control trial

Research Subjects: 150 womans ages 15-49.

Results:

True negative: 78, false negative: 22, true positive: 40, false positive: 10.

Sensitivity: 40/62 = 64.5%, speccifisity: 78/88 = 88.6%

Positive predictive value: 40/50 = 80%, negative predictive value: 78/100 = 78%

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hồng Cẩm (2002). "Nghiên cứu tỷ lệ viêm cổ tử cung do *Chlamydia trachomatis* và một số yếu tố kết hợp ở phụ nữ trong lứa tuổi sinh đẻ tại huyện Hóc Môn", *Luận án tiến sĩ y học*, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: trang 77-99.

2. Phạm Văn Đức (2007). "Giá trị của xét nghiệm nhanh trong chẩn đoán viêm cổ tử cung do *Chlamydia trachomatis* ở phụ nữ nạo phá thai tại bệnh viện Từ Dũ" *Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh*, tập 1(12): trang 180-186.

3. Trần Thị Lợi (2000). "Sơ bộ khảo sát tình hình nhiễm *Chlamydia trachomatis* trong viêm sinh dục" *Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh*. Tập 4(1): trang 14-18.

4. Đặng Chi Mai (2003). "Chlamydiae." *Vi khuẩn học*. Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: trang 176-179.

5. Nguyễn Năng Hải (2004). "Nghiên cứu tình trạng viêm cổ tử cung do *Chlamydia trachomatis* ở thai phụ 28-37 tuần" *Luận văn chuyên khoa cấp II*. Đại học Y Hà Nội: trang 30-50.

6. Clavel C et al. Br J Cancer (2004); 90:1803-1808.

7. Ho GYF, Bierman R, Beardsley NP, et al: Natural history of cervicovaginal papillomavirus infection as risk factor for persistent cervical dysplasia. Journal of the national cancer institutus 87(18): 1365-1371 (september 1995).

8. Sherris J, Herdman Cand malloy C (2000). HPV DNA testing: Technical and programmatic issues for cervical cancer prevention in low-resource settings. Preparation of this was supported by the alliance for cervical cancer prevention.